

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 511/2024/HS-PT

Ngày: 23-10-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tồn

Các Thẩm phán: Ông Trần Đức Kiên

Bà Võ Thị Ngọc Dung

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Trang, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Chiến, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kết nối với điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai bằng hình thức trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số 442/2024/TLPT-HS ngày 06 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo **Võ Thế V** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Do có kháng cáo của bị cáo và bị hại bà **Phạm Thị L**, bà **Nguyễn Thị T** đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 67/2024/HS-ST ngày 23/7/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Bị cáo có kháng cáo và bị kháng cáo:

Võ Thế V; sinh ngày 02 tháng 01 năm 1993 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: **Thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Võ Tấn H** và bà **Dương Thị P**; vợ **Võ Thị Hồng H1**; có 01 con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/7/2024. Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam **Công an tỉnh Q**, có mặt.

Bị hại có kháng cáo:

1. Bà **Phạm Thị L**, sinh ngày 22/12/1979; nơi cư trú: **Nhà số B đường T, tổ D, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi**, có mặt.

2. Bà **Nguyễn Thị T**, sinh ngày 05/5/1966; nơi cư trú: **Thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi**, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người bào chữa theo luật định cho bị cáo:* Ông **Nguyễn Công T1** – Luật sư Văn phòng luật sư **Nguyễn Công T1**, thuộc **Đoàn luật sư tỉnh Q**, có mặt.

Người tham gia tố tụng có liên quan đến kháng cáo:

- *Bị hại:*

1. Ông **Đỗ Văn M**, sinh ngày 01/01/1960; nơi cư trú: **Tổ dân phố G, thị trấn C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi**, vắng mặt.

2. Bà **Nguyễn Thị K**, sinh ngày 24/6/1966; nơi cư trú: **Đ, thôn N, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi**, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Võ Tấn H**, sinh năm 1970 và bà **Dương Thị P**, sinh năm 1971; cùng nơi cư trú: **Thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi**, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Võ Thế V được tuyển dụng làm việc từ ngày 16/10/2017 là chuyên viên khách hàng tại **Phòng G** trực thuộc **Ngân hàng B1 Chi nhánh D** (nay là **Chi nhánh Q**). Quá trình làm việc đến cuối năm 2020, **Võ Thế V** có vay mượn tiền cá nhân của khách hàng, đồng nghiệp để thực hiện thủ tục đáo hạn ngân hàng, đầu tư bất động sản và kinh doanh nhà nghỉ. Từ ngày 06/02/2021, **V** tự ý nghỉ việc nên bị **Ngân hàng B1** tạm đình chỉ công việc từ ngày 26/02/2021, đến ngày 04/5/2021 **V** bị sa thải. Do việc kinh doanh, buôn bán không hiệu quả và vay tiền của nhiều người, nên trong khoảng thời gian từ đầu tháng 01/2021 đến tháng 02/2021 để có tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân **V** đã đưa ra thông tin gian dối là cần vay tiền để làm đáo hạn ngân hàng (tái cấp vốn đối với các hợp đồng vay tiền) cho khách hàng, làm cho một số người tin là thật và giao tiền cho **V**. Sau khi nhận tiền từ những người này, **Võ Thế V** không sử dụng vào mục đích đáo hạn cho khách hàng mà chiếm đoạt để trả nợ và tiêu xài cá nhân. Cụ thể như sau:

Trường hợp thứ nhất: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1966, trú tại: **thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi**.

Bà **Nguyễn Thị T** là khách hàng của **Ngân hàng B1** nơi **V** làm việc nên quen biết Viễn. Ngày 07/01/2021, **Võ Thế V** hỏi vay bà **T** số tiền 700.000.000 đồng, **V**

nói với bà T là để làm đảo hạn ngân hàng cho khách hàng, bà T tin là thật và đưa 700.000.000 đồng tiền mặt cho V, V viết và ký vào “giấy mượn tiền”, ghi rõ mục đích là “đảo hạn” và đưa cho bà T giữ giấy này, V hẹn đến ngày 15/01/2021 sẽ trả đủ cho bà T cả gốc và lãi. Sau khi nhận tiền, V không làm đảo hạn như đã nói với bà T mà chiếm đoạt số tiền trên để sử dụng vào mục đích trả nợ và tiêu xài cá nhân.

Ngoài ra, vào ngày 08/01/2021, V có vay của bà T số tiền 500.000.000 đồng và có viết “giấy mượn tiền”, ký ghi rõ họ tên nhưng không nói với bà T mục đích cụ thể vay tiền và cũng không hẹn ngày trả nợ; bà T đồng ý cho V vay và chuyển khoản cho V số tiền 500.000.000 đồng và V cũng dùng tiền này để trả nợ cho người khác. Ngày 27/01/2021, V có trả tiền lãi cho khoản vay này là 10.000.000 đồng, bà T đã nhận tiền và xác nhận vào giấy mượn tiền ghi ngày 08/01/2021. Sau đó bà T nhiều lần đòi tiền vay thì V và bố mẹ V xin hẹn nợ và trả dần, bà T đồng ý, đến cuối năm 2022 bà T nghe thông tin V vỡ nợ và bỏ trốn nên làm đơn tố cáo đến Cơ quan Công an.

Đối với số tiền 500.000.000 đồng mà V vay bà T vào ngày 08/01/2021, V không đưa ra thông tin gian dối gì nhưng bà T vẫn cho V vay tiền và hai bên cũng không hẹn ngày cụ thể trả nợ gốc, khi bà T đòi tiền vay thì V và gia đình V đều xin gia hạn thời hạn trả nợ, được bà T đồng ý và hai bên không chốt ngày trả nợ cụ thể nên không đủ cơ sở chứng minh Vi phạm tội lừa đảo hay lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Trường hợp thứ hai: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1966, trú tại: thôn N, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Bà Nguyễn Thị K quen biết Võ Thế Viễn thông qua con gái bà K (có thời gian làm việc cùng với V trước đó). Từ giữa năm 2020, bà K nhiều lần cho V vay mượn tiền và V đã trả tiền đầy đủ cho bà K. Đến ngày 08/01/2021, Võ Thế V cũng đưa thông tin cần tiền để đảo hạn ngân hàng cho khách hàng để vay bà K số tiền 800.000.000 đồng, bà K tin là thật và đồng ý đưa 800.000.000 đồng tiền mặt cho V. Viễn viết và ký vào “giấy mượn tiền”, ghi rõ mục đích là “đảo hạn” và đưa giấy này cho bà K giữ, V hẹn đến ngày 07/02/2021 sẽ trả đủ cho bà K cả gốc và lãi.

Sau khi nhận tiền, V không làm đảo hạn như đã nói với bà K mà chiếm đoạt số tiền trên để sử dụng vào mục đích trả nợ và tiêu xài cá nhân.

Ngoài ra, vào ngày 28/01/2021, V gọi điện thoại hỏi vay bà K số tiền 500.000.000 đồng và không hẹn ngày trả nợ, bà K đồng ý cho V vay và chuyển khoản cho V số tiền 500.000.000 đồng, V dùng tiền này để trả nợ cho người khác. Đến ngày 07/02/2021, là thời hạn trả nợ của khoản vay 800.000.000 đồng, bà K gọi điện thoại đòi tiền vay thì V xin bà K cho gia hạn thời hạn trả nợ nhưng cũng không chốt ngày trả nợ, bà K đồng ý. Đến cuối năm 2022, khi bà K phát hiện V không còn làm ngân hàng nên đã làm đơn tố cáo đến Cơ quan Công an.

Đối với số tiền 500.000.000 đồng mà **V** vay bà **K** vào ngày 28/01/2021, **V** không đưa ra thông tin gian dối gì nhưng bà **K** vẫn cho **V** vay tiền và hai bên cũng không hẹn ngày cụ thể trả nợ gốc, khi bà **K** đòi tiền vay thì **V** và gia đình **V** đều xin gia hạn thời hạn trả nợ được bà **K** đồng ý và hai bên không chốt ngày trả nợ cụ thể nên không đủ cơ sở chứng minh Vi phạm tội lừa đảo hay lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Trường hợp thứ ba: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông **Đỗ Văn M**, sinh năm 1960, trú tại: **Tổ dân phố G, thị trấn C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi**.

Ngày 25/01/2021, ông **Đỗ Văn M** đến **Phòng G** thuộc **Ngân hàng B1 Chi nhánh D** để vay tiền và gặp **Võ Thế V** đang làm việc tại đây. Ông **M** muốn thế chấp thửa đất và nhà của ông **M** để vay số tiền 500.000.000 đồng thì **V** nói hồ sơ của ông **M** chỉ vay được tối đa số tiền 300.000.000 đồng nên ông **M** đi về. Sau đó khoảng 03- 04 ngày thì **V** gọi điện thoại cho ông **M** để **V** đến nhà ông **M** thẩm định giá trị đất và nhà của ông **M** để làm thủ tục vay. Sau khi xem nhà, đất của ông **M** xong, **V** nói với ông **M** sau khi vay được tiền thì ông **M** cho **V** mượn lại số tiền 450.000.000 đồng để **V** làm đảo hạn, hạn 03 ngày sau thì **V** sẽ trả lại nên ông **M** đồng ý. Đến ngày 02/02/2021, Viễn thông báo ông **M** đã được vay số tiền 500.000.000 đồng, ông **M** đến Ngân hàng để nhận tiền. Như thỏa thuận trước đó, ông **M** đưa cho **V** vay số tiền 450.000.000 đồng, **V** không viết giấy mượn tiền. Sau khi nhận được tiền, **V** không làm đảo hạn như đã nói với ông **M** mà chiếm đoạt số tiền trên để sử dụng vào mục đích trả nợ và tiêu xài cá nhân.

Trường hợp thứ tư: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà **Phạm Thị L**, sinh năm 1979, trú tại: **số B, đường T, Tổ H, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi**.

Bà **Phạm Thị L** là khách hàng của **Ngân hàng B1**, nơi **V** làm việc nên bà **L** quen biết **V**. Từ năm 2020, bà **L** nhiều lần cho **V** vay mượn tiền và **V** đã trả tiền đầy đủ cho bà **L**. Đến ngày 04/02/2021, **V** cũng dùng thủ đoạn đưa ra thông tin cần tiền đảo hạn ngân hàng cho khách hàng để vay bà **L** số tiền 1.440.000.000 đồng và hẹn trả trong thời hạn 10 ngày, bà **L** tin là thật nên đồng ý và đưa 1.440.000.000 đồng tiền mặt cho **V**, **V** viết và ký vào “giấy mượn tiền”, ghi rõ mục đích “đảo hạn” và đưa giấy này cho bà **L** giữ. Sau khi nhận được tiền, **V** không làm đảo hạn như đã nói với bà **L** mà chiếm đoạt số tiền trên để sử dụng vào mục đích trả nợ và tiêu xài cá nhân.

Kết quả trưng cầu giám định: Kết luận giám định số 641/KL-KTHS ngày 10/7/2023 của **Phòng K1 Công an tỉnh Q** kết luận: chữ viết, chữ ký ghi các nội dung trong các “GIẤY MƯỢN TIỀN” mà bà **L**, bà **K** và bà **T** cung cấp cho Cơ quan CSĐT **Công an tỉnh Q** là do **Võ Thế V** viết, ký.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 67/2024/HS-ST ngày 23/7/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo **Võ Thế V** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Võ Thế V** 7 (B) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam (08/7/2024).

2. Về phần dân sự:

2.1 Không chấp nhận yêu cầu của bà **Phạm Thị L** về việc buộc bị cáo **Võ Thế V** phải trả cho bà số tiền 940.000.000 đồng (Chín trăm bốn mươi triệu đồng);

2.2 Không chấp nhận yêu cầu của bà **Nguyễn Thị T** về việc buộc bị cáo **Võ Thế V** phải trả cho bà số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

2.3 Buộc bị cáo **Võ Thế V** trả lại cho ông **Đỗ Văn M** số tiền 285.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi lăm triệu đồng);

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về quyền, nghĩa vụ thi hành án; quyết định xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 04/8/2024, bà **Nguyễn Thị T** kháng cáo đề nghị tăng hình phạt tù đối với bị cáo, xem xét lại phần bồi thường dân sự và kê biên tài sản của bị cáo.

- Ngày 05/8/2024, bị cáo **Võ Thế V** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 05/8/2024, bà **Phạm Thị L** kháng cáo đề nghị tăng hình phạt tù đối với bị cáo và xem xét lại phần bồi thường dân sự và kê biên tài sản của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo và 02 bị hại kháng cáo bản án; đơn kháng cáo của bị cáo và 02 bị hại là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, bị cáo **Võ Thế V** xin giảm nhẹ hình phạt và không chấp nhận kháng cáo của các bị hại; bị hại **Nguyễn Thị T** rút đơn kháng cáo, xin vắng mặt tại phiên tòa và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bà **Phạm Thị L** đề nghị tăng hình phạt tù đối với bị cáo và buộc bị cáo bồi thường số tiền còn lại là 940.000.000 đồng, xem xét lại phần án phí và kê biên tài sản của bị cáo là thửa đất số 33, tờ bản đồ số 113, diện tích 552,2m² tại xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị. Về tố tụng Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp hành đúng các quy định pháp luật, kháng cáo bị cáo, bị hại trong hạn luật định. Bị hại **Nguyễn Thị T** rút đơn kháng cáo nên đình chỉ xét xử phúc thẩm.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận toàn bộ kháng bị cáo và bị hại **Phạm Thị L**, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo, Luật sư bào chữa cho bị cáo, người kháng cáo tranh luận công khai; nói lời sau cùng bị cáo thể hiện thái độ ăn năn hối cải và đề nghị được chấp nhận kháng cáo.

[2]. Xét kháng cáo của bị cáo:

[2.1]. Về tội danh:

Do cần tiền để tiêu xài cá nhân và trả nợ cho người khác, **Võ Thế V** đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác bằng cách đưa ra thông tin gian dối đối với nhiều người là cần tiền đáo hạn Ngân hàng, làm cho các bị hại tin tưởng đưa tiền cho bị cáo và bị chiếm đoạt. Với thủ đoạn như trên, trong khoảng thời gian từ đầu tháng 01-2021 đến tháng 02-2021, bị cáo đã chiếm đoạt của 04 người bị hại tổng số tiền 3.390.000 đồng.

Với hành vi phạm tội nêu trên, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi kết án **Võ Thế V** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2]. Về hình phạt:

Trước khi thực hiện hành vi, **Võ Thế V** từng công tác trong ngành Ngân hàng, nên bị cáo có đủ nhận thức để biết trình tự, thủ tục vay tiền, cũng như cách thức đáo hạn Ngân hàng cho các khách hàng; đủ nhận thức để đánh giá và phân biệt được việc làm của mình, biết rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác sẽ bị xử lý nghiêm khắc, nhưng do muốn có tiền tiêu xài cá nhân và trả nợ cho người khác, bị cáo đã cố ý thực hiện tội phạm. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân, nên cần xử phạt bị cáo hình phạt nghiêm khắc, nhưng do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau khi phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại để khắc phục hậu quả; quá trình công tác có nhiều thành tích, được tặng danh hiệu Lao động xuất sắc năm 2018, 2019; gia đình bị cáo có nhiều người có công với cách mạng; được các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 07 năm tù (mức khởi điểm của khung hình phạt nhẹ hơn liền kề) là thể hiện được chính sách nhân đạo của pháp luật.

Mặc dù, tại Toà án cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp được tài liệu chứng minh có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như có công tổ giác tội phạm, phụng dưỡng mẹ Việt Nam anh hùng (từ tháng 11-2017 đến tháng 11-2020), thực hiện nhiều hành động thiện nguyện, gia đình luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật tại địa phương và tự nguyện bồi thường số tiền còn lại cho ông **Đỗ Văn M**, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, gây

nhiều dư luận xấu trong nhân dân, do đó để cải tạo giáo dục bị cáo cũng như ngăn chặn và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[3]. Xét kháng cáo của bị hại:

[3.1]. Về hình phạt:

Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên Toà án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 07 năm tù là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi và hậu quả mà bị cáo đã gây ra. Do đó, kháng cáo tăng hình phạt tù đối với bị cáo của bị hại **Phạm Thị L** không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[3.2]. Về trách nhiệm dân sự:

- Đối với kháng cáo của bà **Phạm Thị L**:

Bà **Phạm Thị L** yêu cầu **Võ Thế V** trả cho bà 940.000.000 đồng, ngoài số tiền 500.000.000 đồng mà cha, mẹ bị cáo đã bồi thường trước. Căn cứ Giấy xác nhận nợ và thỏa thuận trả nợ ghi ngày 11-4-2023 (bút lục số 127), cha mẹ bị cáo thỏa thuận trả cho bà **L** 700.000.000 đồng đến hết quý IV năm 2023, số tiền còn lại 640.000.000 đồng thì xin không trả. Ngày 01-8-2023, bà **L** làm Giấy cam đoan có chứng thực của **UBND phường N, thành phố Q** và ngày 08-8-2023, bà **L** làm Đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho **Võ Thế V** (bút lục số 131, 133) có nội dung là cha, mẹ bị cáo đã trả dần cho bà tổng số tiền 1.440.000.000 đồng và bà xin bãi nại về phần dân sự, không yêu cầu và không khiếu nại đối với **Võ Thế V**.

Ngoài ra, tại Toà án cấp phúc thẩm, gia đình bị cáo cung cấp tài liệu là “Giấy xóa nợ tiền vay **Võ Thế V**” ghi ngày 08-8-2023 (có chữ ký của ông **Võ Tấn H** là cha của bị cáo và bà **Phạm Thị L**), thể hiện nội dung: “... Tôi là **Võ Tấn H**, thay mặt gia đình ông **V** đã trả đủ số tiền 1.440.000.000 đồng cho bà **Phạm Thị L**, sinh năm 1979... tiền này là con trai tôi **Võ Thế V** đã vay của bà **L** ngày 04-02-2021. Vậy hôm nay bà **L** đã nhận đủ số tiền trên và chấm dứt phần dân sự kể từ ngày 08-8-2023, bà **L** không được yêu cầu, khiếu nại gì nữa đối với **Võ Thế V**. Giấy xóa nợ này được viết và ký tại Phòng Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh Q** và phê tô gửi lưu hồ sơ **Công an tỉnh Q** 01 bản”. Như vậy, có cơ sở để khẳng định gia đình **Võ Thế V** đã trả đủ số tiền mà bị cáo đã vay rồi chiếm đoạt của bà **Phạm Thị L**, do đó nội dung kháng cáo này của bà **L** không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[3.3]. Về tiền án phí:

Tại phiên tòa sơ thẩm, **Phạm Thị L** yêu cầu **Võ Thế V** trả cho bà 940.000.000 đồng, ngoài số tiền 500.000.000 đồng mà cha, mẹ bị cáo đã bồi thường trước. Toà án cấp sơ thẩm xác định: Căn cứ Giấy xác nhận nợ và thỏa thuận trả nợ ghi ngày 11-4-2023 (bút lục số 127), cha mẹ bị cáo thỏa thuận trả cho bà **L** 700.000.000 đồng đến hết quý IV năm 2023, số tiền còn lại 640.000.000 đồng thì xin không

trả. Ngày 01-8-2023, bà L làm Giấy cam đoan có chứng thực của UBND phường N, thành phố Q và ngày 08-8-2023, bà L làm Đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho Võ Thế V (bút lục số 131, 133) có nội dung là cha, mẹ bị cáo đã trả dân cho bà tổng số tiền 1.440.000.000 đồng và bà xin bãi nại về phần dân sự, không yêu cầu và không khiếu nại đối với Võ Thế V.

Với các căn cứ nêu trên, Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị L, bà Phạm Thị L phải chịu 40.200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[3.4]. Về kê biên tài sản: Tại Toà án cấp phúc thẩm, bà Phạm Thị L đề nghị Hội đồng xét xử kê biên tài sản của bị cáo Võ Thế V là thửa đất số 33, tờ bản đồ số 113, diện tích 552,2m² tại xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Tuy nhiên, căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án có cơ sở để xác định trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm Võ Thế V đã trả đủ số tiền đã vay của bà Nguyễn Thị T và bà Phạm Thị Lệ. Do đó, không có căn cứ để kê biên tài sản của bị cáo để bảo đảm việc thi hành án như kháng cáo của bị hại bà Phạm Thị Lệ.

[4]. Như vậy, kháng cáo của bị cáo Võ Thế V, kháng cáo của bị hại bà Phạm Thị L đã được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét và không có cơ sở để chấp nhận.

[5]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356; Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Nguyễn Thị T.

- Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Võ Thế V.

- Không chấp nhận kháng cáo của bị hại là bà Phạm Thị Lệ. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 67/2024/HS-ST ngày 23-7-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

2. Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Võ Thế V 07 (bảy) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08-7-2024.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự; Điều 274, khoản 5 Điều 275 và Điều 280 của Bộ luật Dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu của bị hại là bà **Phạm Thị L** về việc buộc **Võ Thế V** phải trả cho bà **L** 940.000.000 đồng (chín trăm bốn mươi triệu đồng).

4. Về án phí phúc thẩm:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các điểm b, c khoản 2 Điều 23, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- **Võ Thế V** phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

- Bà **Phạm Thị L** phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi (03);
- Công an tỉnh Quảng Ngãi (03);
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ngãi (02);
- Bị cáo (TTG tổng đạt cho bị cáo);
- Người tham gia tố tụng khác;
- UBND xã Bình Trung, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi (thay cho việc thông báo bằng văn bản);
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Phạm Tồn